

Số: 01/QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Lao động - Thương binh
và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP
ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 124/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; số 128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các Nghị quyết ban hành ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ: Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Thường trực Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBTWMTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC, PC.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021
và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-LĐTĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Năm 2020, nước ta chịu nhiều tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất, gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất và đời sống của nhân dân; đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; đồng thời, đề xuất các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, ổn định an sinh xã hội. Nhờ đó, toàn ngành đã cùng cả nước vượt qua một năm 2020 đầy khó khăn, thử thách, đạt được những kết quả quan trọng, có dấu ấn đặc biệt, góp phần thực hiện thành công “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống, sức khỏe của nhân dân.

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Đại dịch Covid-19 chưa thể kết thúc, còn tiếp tục ảnh hưởng, tác động tiêu cực kéo dài đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức, nhiệm vụ năm 2021 rất nặng nề, toàn ngành cần nỗ lực cao hơn, hành động quyết liệt hơn, hiệu quả hơn để phấn đấu cùng cả nước vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tạo đà phục hồi, phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo.

I. PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ

Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được của giai đoạn 2016-2020, để thực hiện và hoàn thành mục tiêu được giao, toàn ngành xác định quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; ưu tiên, tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá nhằm mục tiêu “Bảo đảm sự ổn định và phát triển thị trường lao động linh hoạt và thích ứng nhằm huy động và sử dụng hiệu quả

nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống người có công, người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững”. Quán triệt Nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ xác định phương châm hành động năm 2021 là “*Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển*” với 6 trọng tâm chỉ đạo, điều hành như sau:

(1) *Chủ động, linh hoạt thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” của Chính phủ, vừa phòng, chống dịch Covid-19, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.*

(2) *Nâng cao chất lượng công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế.*

(3) *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường lao động, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để các yếu tố thị trường lao động phát triển nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng việc làm thỏa đáng cho người lao động; tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động nhằm bảo đảm đời sống của người dân và duy trì sản xuất.*

(4) *Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.*

(5) *Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện chính sách xã hội, bảo đảm đồng bộ, khắc phục chồng chéo, trùng lặp. Từng bước hình thành và phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân; chú trọng nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nhiễm HIV/AIDS và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.*

(6) *Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.*

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Chủ động, linh hoạt thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” của Chính phủ, vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao ý thức trong toàn ngành về phòng, chống dịch Covid-19, tuyệt đối không chủ quan trước dịch

bệnh. Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện gói hỗ trợ của Chính phủ đến đúng đối tượng, hiệu quả; chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; ổn định an sinh xã hội.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, xây dựng hệ thống pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật về lao động, người có công và xã hội, bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, khả thi và hội nhập quốc tế. Trong đó, tập trung xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật Việc làm (sửa đổi); nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật. Xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi), Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi).

Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách về lao động, người có công và xã hội để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần giải phóng các nguồn lực cho phát triển, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi.

3. Phát triển thị trường lao động theo hướng minh bạch, cạnh tranh và hội nhập, đa dạng các hình thức kết nối cung - cầu lao động, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn nhân lực

Triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030 (sau khi được phê duyệt). Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia hiện đại, đồng bộ, thống nhất và có sự liên thông giữa các hệ thống thông tin về giáo dục - đào tạo, tăng khả năng kết nối cung - cầu lao động trên thị trường, giữa người lao động với người sử dụng lao động. Nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về người lao động kết nối thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nâng cao năng lực phân tích, dự báo thị trường lao động; xây dựng và triển khai Đề án dự báo cung - cầu lao động để làm cơ sở thực hiện phân tích, dự báo thị trường lao động theo vùng miền, theo từng lĩnh vực, từng ngành, nghề.

Xây dựng cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động thông thoáng, phân bổ hợp lý lao động theo vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm. Chú trọng tạo việc làm và tăng cường kỹ năng cho người lao động; nâng cao tỷ trọng lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề; hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số Việc làm trong các ngành nghiệp thâm dụng tri thức theo chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ,

giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

Tiếp tục ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, chú trọng các thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam. Làm tốt công tác tạo nguồn lao động, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đưa đi làm việc ở nước ngoài; có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lao động sau khi làm việc ở nước ngoài về nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tăng cường quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội

Tập trung xây dựng, trình Ban Bí thư ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp trong tình hình mới. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và trình phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông đào tạo nhằm phát triển quy mô đào tạo. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; trọng tâm là hiện đại hoá, thực hiện chuyển đổi số và đổi mới phương thức đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chuẩn hoá đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý các cấp; chú trọng nâng cao chất lượng đầu ra. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng cho học sinh, sinh viên. Tăng cường việc hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động.

Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo các kỹ năng làm việc, tính kỷ luật, tác phong công nghiệp. Các tỉnh, thành phố căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí để thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách khác.

Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ hoạt động dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh triển khai tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng xếp hạng chỉ số Chất lượng đào tạo nghề theo chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải

thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

5. Thực hiện chính sách, pháp luật về tiền lương, bảo hiểm xã hội và quan hệ lao động, an toàn lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp để thực hiện trong năm 2022 theo lộ trình đã được Hội nghị Trung ương 13 kết luận.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ: số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2018 về giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế; kết hợp hài hòa nguyên tắc đóng – hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững. Tăng cường thông tin, tuyên truyền chính sách bảo hiểm xã hội, đặc biệt là các hoạt động đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, tuyên truyền về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện. Áp dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; có giải pháp duy trì đối tượng đã tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, tiếp tục thu hút các đối tượng mới tham gia bảo hiểm xã hội, hạn chế tình trạng trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Triển khai Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. Tăng cường quản lý nhà nước về quan hệ lao động; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động. Theo dõi tình hình tranh chấp lao động, đình công; phối hợp với các địa phương sớm giải quyết các cuộc đình công có diễn biến phức tạp, kéo dài nhằm giữ ổn định trật tự xã hội và đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trở lại bình thường.

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; ngăn chặn và giảm trên 5% tần suất tai nạn lao động chết người trong một số lĩnh vực có nguy cơ cao. Hoàn thiện hệ thống tổ chức và tăng cường hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động. Tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh

lao động, từng bước cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động, vệ sinh lao động, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Quản lý, theo dõi lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; hướng dẫn thực hiện Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.; hướng dẫn các địa phương cấp giấy phép lao động cho các chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành và lao động kỹ thuật được nhập cảnh vào Việt Nam để duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bảo đảm phù hợp với các quy định về phòng, chống dịch Covid-19.

6. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, nâng cao đời sống người có công và thân nhân

Tổ chức triển khai thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi). Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; nâng cao đời sống người có công, bảo đảm đến năm 2025 cơ bản người có công được xác nhận, công nhận, tôn vinh và thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Hướng dẫn các địa phương tặng quà Tết của Chủ tịch nước cho đối tượng người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu và dịp Kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Tiếp tục rà soát, giải quyết hồ sơ xác nhận người có công với cách mạng còn tồn đọng; đẩy mạnh công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. Mở rộng chi trả trợ cấp người có công thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng, cung cấp dụng cụ trợ giúp đối với người có công với cách mạng. Đẩy mạnh các phòng trào “đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực của xã hội để chăm sóc người có công, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người có công. Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm đảm bảo khang trang.

7. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bao trùm để hỗ trợ người dân nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập của người nghèo so với bình quân chung của cả nước

Hoàn thiện phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều gắn với các mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025. Xây dựng, trình ban hành Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về giảm nghèo bao trùm, bền vững đến năm 2030, Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bao trùm đến năm 2030, Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên người nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung đầu tư và kết nối địa

bàn nghèo, vùng lõi nghèo; đáp ứng nhu cầu của người dân về sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản phù hợp (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin và việc làm).

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và nhân dân nhằm tạo đồng thuận và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; thúc đẩy phong trào “thoát nghèo, bảo đảm an sinh xã hội” sâu rộng trên phạm vi cả nước; khơi dậy ý chí tự lực, nỗ lực vươn lên của người nghèo, địa bàn nghèo. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng; triển khai các mô hình việc làm công gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn; các mô hình hợp tác, liên kết với giữa các hộ nghèo với doanh nghiệp trong sản xuất, bao tiêu sản phẩm, thu hút lao động nghèo vào làm việc ổn định trong các doanh nghiệp.

8. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ cấp thường xuyên, đột xuất đối với các đối tượng bảo trợ xã hội; từng bước nghiên cứu, đề xuất mở rộng diện bao phủ chính sách an sinh xã hội và nâng dần mức trợ cấp xã hội

Triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; Chương trình hỗ trợ người khuyết tật giai đoạn 2021-2030. Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế; đổi mới cơ chế quản lý, huy động nguồn lực cho thực thi chính sách; nâng cao nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện; đổi mới quy trình xác định đối tượng; giảm bớt trình tự, thủ tục, hồ sơ và thời gian ra quyết định chính sách, trong thực hiện chính sách; tăng cường hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá.

Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất mở rộng diện bao phủ chính sách bảo trợ xã hội, bảo đảm các đối tượng yếu thế được trợ giúp ổn định cuộc sống; bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi, khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và trình phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng, triển khai mô hình chăm sóc chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, nhất là mô hình nhà dưỡng lão; chuẩn bị một số nền tảng để ứng phó với vấn đề già hóa dân số.

Theo dõi sát tình hình thiên tai, dịch bệnh, thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội dịp Tết Nguyên đán; đảm bảo 100% người dân gặp khó khăn do hậu quả của thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác gây ra được hỗ trợ các điều kiện sống tối thiểu về lương thực, thực phẩm, nhà ở, đất ở, công cụ sản xuất, dạy nghề, giới thiệu việc làm.

9. Chú trọng công tác phát triển toàn diện trẻ em; thực hiện đầy đủ quyền trẻ em

Thực hiện các giải pháp tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh cho mọi trẻ em để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, mối quan hệ xã hội, đảm bảo thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Triển khai Nghị quyết số 121/2020/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại; giảm thiểu tai nạn, thương tích ở trẻ em.

Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em; phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Quan tâm phát triển toàn diện trẻ em, đặc biệt giai đoạn 3 năm đầu đời; tăng cường thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức trẻ em lao động trái quy định của pháp luật.

Phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em; tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào các hoạt động trợ giúp, chăm sóc, bảo vệ trẻ em; nhân rộng các mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt là mô hình phòng, chống xâm hại trẻ em, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trên phạm vi cả nước.

Thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình về trẻ em, thực hiện quyền trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra bạo lực, xâm hại trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em.

10. Thực hiện hiệu quả mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

Thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp và người dân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động về giới của chính sách trong quá trình xây dựng văn bản; thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách, chương trình, đề án về phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Triển khai các hoạt động nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử; tiếp tục duy trì, nhân rộng và phát

triển các mô hình thí điểm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

11. Thực hiện hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về

Đổi mới việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, chống tệ nạn xã hội; đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền thông, chú trọng truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, truyền thông bằng tiếng dân tộc, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh giáp biên giới. Nâng cao hiệu quả công tác điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy, nhất là cai nghiện và quản lý sau cai tại cộng đồng, gia đình.

Tiếp tục hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm, người nghiện ma túy, tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về; nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ công tác điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy; phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ cai nghiện tại gia đình. Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp liên ngành và huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đoàn thể, tổ chức cộng đồng và mọi người dân tham gia, đóng góp vào công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

Tăng cường quản lý địa bàn, không để tệ nạn mại dâm gây bức xúc xã hội; duy trì, nhân rộng các mô hình hiệu quả về can thiệp giảm hại, phòng, chống bạo lực, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của người bán dâm tại cộng đồng và các trung tâm hỗ trợ xã hội; hỗ trợ người bán dâm hoàn lương vay vốn, phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng. Tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm, cán bộ cơ sở, thành viên của các nhóm, câu lạc bộ về các chính sách, giải pháp, biện pháp, kỹ năng triển khai các hoạt động can thiệp giảm hại; cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm; tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ.

Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác hỗ trợ nạn nhân và thí điểm các mô hình hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng.

12. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành; triển khai chuyển đổi số lĩnh vực an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 4 và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại tất cả các lĩnh vực thuộc Bộ có cung cấp dịch vụ công; tiếp tục cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ. Đẩy mạnh việc chỉ tra các chế độ an sinh xã hội, lương hưu, trợ cấp/chế độ bảo hiểm cho các đối tượng qua

ngân hàng; tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người hưởng nhận các khoản trợ cấp qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Kiên toàn tổ chức bộ máy, đảm bảo bộ máy của Bộ, ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh tinh giản biên chế theo đúng lộ trình, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai hiệu quả quy định của pháp luật phòng, chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện chặt chẽ, hiệu quả việc kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo.

13. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động, xã hội; thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế trên các kênh song phương, đa phương và phi chính phủ nước ngoài nhằm huy động nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng, thực hiện các chính sách về lao động, người có công và xã hội.

14. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại về cơ chế, chính sách trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực trong cộng đồng trong việc thực hiện công tác an sinh xã hội.

15. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành

Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp và các địa phương nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức thực hiện và hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, tạo đà cho các năm tiếp theo.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Quán triệt phương châm hành động của Chính phủ và phương châm của Bộ; phát huy tối đa các mặt tích cực đã đạt được trong năm 2020 và giai đoạn

2016 - 2020, triển khai quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã đề ra và các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc triển khai thực hiện trong lĩnh vực, địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Ban hành chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị triển khai Kế hoạch hành động của ngành thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ; trong đó, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện và phân công thực hiện, báo cáo về Bộ trước ngày 30/01/2021.

c) Tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ, các Sở, ban, ngành chức năng của địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức triển khai các nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội trên địa bàn. Báo cáo đầy đủ, kịp thời về tình hình và kết quả thực hiện về Bộ; nhất là các khó khăn, vướng mắc liên quan đến người dân, doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết theo quy định.

đ) Các đơn vị tổng hợp, đơn vị phụ trách các lĩnh vực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Bộ.

2. Về chế độ báo cáo

a) Các đơn vị báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch này và các nhiệm vụ cụ thể tại phụ lục II Quyết định này (tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP), theo định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng và cả năm 2021 gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 20 hằng tháng để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

b) Các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được phân công tại phụ lục III Quyết định này (tình hình thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP), gửi Vụ Pháp chế trước ngày 01 tháng 6 và trước ngày 01 tháng 12 năm 2021 để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

c) Giao Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai Kế hoạch này; xây dựng đề cương báo cáo, hướng dẫn các đơn vị báo cáo và tổng hợp, xây dựng báo cáo của Bộ về kết quả thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP để báo cáo Chính phủ theo quy định./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



PHỤ LỤC I

Chỉ tiêu chủ yếu năm 2021 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội
 theo Quyết định số 01/QĐ-LĐTĐ ngày 04/01/2021
 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức phấn đấu	Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo
I	CHỈ TIÊU QUỐC HỘI GIAO			
1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 66	Cục Việc làm
	<i>Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	<i>Khoảng 25,5</i>	Cục Việc làm
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước hằng năm	%	1-1,5	Văn phòng quốc gia về giảm nghèo
II	CHỈ TIÊU NGÀNH			
1	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	Khoảng 90.000	Cục Quản lý lao động ngoài nước
2	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	Khoảng 35	Vụ Bảo hiểm xã hội
3	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	Khoảng 28	Cục Việc làm
4	Giảm tần suất tai nạn lao động	%	Khoảng 5	Cục An toàn lao động
	<i>Trong đó: Giảm tần suất tai nạn lao động chết người</i>	%	<i>Khoảng 4,5</i>	Cục An toàn lao động
5	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp được tuyển mới trong năm	người	Khoảng 2.371.000	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
a	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp</i>	người	<i>Khoảng 603.000</i>	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
b	<i>Trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác</i>	người	<i>Khoảng 1.768.000</i>	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
6	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp tốt nghiệp trong năm	người	Khoảng 2.073.000	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
a	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp</i>	người	<i>Khoảng 393.400</i>	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

<i>b</i>	<i>Trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác</i>	người	<i>Khoảng 1.679.600</i>	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
7	Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	%	100	Cục Bảo trợ xã hội
8	Tỷ lệ người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói	%	100	Cục Bảo trợ xã hội
9	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 86	Cục Bảo trợ xã hội
10	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 86	Cục Bảo trợ xã hội
11	Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em	%	Khoảng 6,9	Cục Trẻ em
12	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	Khoảng 55	Cục Trẻ em
13	Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy	%	Trên 76	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
14	Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện.	%	Khoảng 40	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
15	Tỷ lệ người bán dâm có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ hỗ trợ xã hội phù hợp	%	100	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
16	Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật	%	100	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội



Phụ lục II

Một số nhiệm vụ cụ thể lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2021

Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-LĐTBXH ngày 04/01/2021

của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện, báo cáo
A	NHIỆM VỤ THEO CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA CHÍNH PHỦ		
	Thực hiện theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Năm 2021	Các đơn vị thuộc Bộ
B	NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA BỘ THEO LĨNH VỰC		
I	Nhóm nhiệm vụ về phát triển thị trường lao động, giáo dục nghề nghiệp		
1	Rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thành việc sáp nhập 03 trung tâm ở cấp huyện theo quy định	Năm 2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
2	Đề án chuyển đổi số và dạy học trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp	Tháng 12/2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3	Đề án thí điểm đào tạo trình độ cao đẳng cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở	Tháng 12/2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
4	Đề án thí điểm đào tạo nâng cao kỹ năng nghề người lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Tháng 12/2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
5	Thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo các bộ chương trình đã chuyển giao từ Úc và Đức. Nghiên cứu nhân rộng đào tạo trong cả nước	Năm 2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
6	Đẩy mạnh xây dựng các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp	Năm 2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
7	Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng	Năm 2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
8	Triển khai Đề án “Hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030”	Năm 2021	Cục Việc làm
9	Xây dựng bộ chỉ tiêu về thị trường lao động	Năm 2021	Cục Việc làm

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện, báo cáo
10	Theo dõi, cập nhật và xây dựng báo cáo về tình hình quản lý lao động, gồm cả lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Năm 2021	Cục Việc làm
11	Thực hiện các giải pháp ổn định và phát triển thị trường lao động ngoài nước; tiếp tục đàm phán, ký kết các Biên bản ghi nhớ, Thỏa thuận về hợp tác lao động với các nước	Năm 2021	Cục Quản lý lao động ngoài nước
12	Kiểm tra, thanh tra, giám sát các doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tình hình lao động Việt Nam đi làm việc tại một số thị trường ngoài nước	Năm 2021	Cục Quản lý lao động ngoài nước
II	Nhóm nhiệm vụ về thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, quan hệ lao động, an toàn lao động		
13	Thực hiện Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới	Năm 2021	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
14	Báo cáo về tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm xã hội năm 2020	Tháng 5/2021	Vụ Bảo hiểm xã hội
15	Thực hiện các giải pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Năm 2021	Vụ bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục An toàn lao động
16	Đánh giá chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm	Tháng 07/2021	Cục Việc làm
17	Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động	Năm 2021	Cục An toàn lao động
18	Chương trình hành động thực hiện Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030	Năm 2021	Cục An toàn lao động
19	Tổ chức tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2021	Tháng 5/2021	Cục An toàn lao động

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện, báo cáo
20	Tổ chức họp Hội đồng quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và tổ chức đối thoại theo quy định	Năm 2021	Cục An toàn lao động
21	Theo dõi, tổng hợp và báo cáo về tình hình tai nạn lao động	Năm 2021	Cục An toàn lao động
III	Nhóm nhiệm vụ về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, giảm nghèo, bảo trợ xã hội, trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội		
22	Triển khai thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi)	Quý I và II/2021	Cục Người có công
23	Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Năm 2021	Cục Người có công
24	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện nghèo và tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng cồn bãi, bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2022-2025	Quý IV/2021	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
25	Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020	Quý II/2021	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
26	Kế hoạch tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025	Quý III/2021	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
27	Quy định quy trình rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	Quý III/2021	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
28	Tổ chức tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025	Quý III-IV/2021	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
29	Đề án phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030	Năm 2021	Cục Bảo trợ xã hội
30	Thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2021	Cục Bảo trợ xã hội
31	Đánh giá, tổng kết Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2012-2020	Năm 2021	Cục Bảo trợ xã hội
32	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật; Chương trình hỗ trợ người khuyết tật giai đoạn 2021-2030	Năm 2021	Cục Bảo trợ xã hội

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện, báo cáo
33	Triển khai Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội”	Năm 2021	Cục Bảo trợ xã hội
34	Hướng dẫn triển khai thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định, Kết luận của Chính phủ liên quan đến trẻ em, đặc biệt là Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020 – 2025; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án mới về trẻ em	Năm 2021	Cục Trẻ em
35	Phối hợp rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật giám định tư pháp, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình	Năm 2021	Cục Trẻ em
36	Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em năm 2021	Tháng 6/2021	Cục Trẻ em
37	Báo cáo của Chính phủ về thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2020 gửi Quốc hội	Năm 2021	Vụ Bình đẳng giới
38	Triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 (sau khi được phê duyệt)	Năm 2021	Vụ Bình đẳng giới
39	Triển khai Chương trình phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Vụ Bình đẳng giới
40	Triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới	Tháng 11/2021	Vụ Bình đẳng giới
41	Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030	Tháng 9/2021	Vụ Bình đẳng giới
42	Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
43	Đề án nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và thí điểm can thiệp dự phòng nghiện cho người sử dụng ma túy, người có nguy cơ cao sử dụng ma túy giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
44	Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2021	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện, báo cáo
45	Đề án phối hợp truyền thông phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, ma túy, mại dâm và mua bán người giai đoạn 2021-2025.	Năm 2021	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
46	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nhiễm HIV/AIDS, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán trở về (thay thế Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 02/2020/QĐ-TTg)	Năm 2021	Cục Phòng, chống tệ nạn xã
47	Bộ Tiêu chuẩn, chức danh cán bộ theo vị trí việc làm của cơ sở cai nghiện ma túy	Năm 2021	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
IV	Nhóm nhiệm vụ về cải cách hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng Chính phủ điện tử, thanh tra		
48	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ trong nhiệm kỳ Chính phủ mới 2021-2026	Năm 2021	Vụ Tổ chức cán bộ
49	Hướng dẫn các quy trình, quy chế về chuyên môn, nghiệp vụ về tổ chức, bộ máy, nhân sự, đặc biệt là quy chế phân cấp quản lý công chức, viên chức	Năm 2021	Vụ Tổ chức cán bộ
50	Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp các đơn vị hành chính, sự nghiệp khác theo Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH	Năm 2021	Vụ Tổ chức cán bộ
51	Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ	Năm 2021	Vụ Tổ chức cán bộ
52	Đề án vị trí việc làm theo lĩnh vực và Đề án vị trí việc làm các đơn vị thuộc Bộ theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ	Năm 2021	Vụ Tổ chức cán bộ
53	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021	Năm 2021	Vụ Tổ chức cán bộ
54	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của Bộ	Quý I/2021	Văn phòng
55	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh các ngành, nghề thuộc phạm vi quản lý của Bộ	Năm 2021	Văn phòng và các đơn vị liên quan
56	Triển khai Kiến trúc Chính phủ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam (phiên bản 2.0)	Năm 2021	Trung tâm Thông tin

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện, báo cáo
57	Đẩy mạnh triển khai Hệ thống thông tin Bộ với người dân và doanh nghiệp theo Quyết định số 1764/QĐ-LĐTBXH ngày 22/11/2019 của Bộ	Năm 2021	Văn phòng
58	Triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn của Bộ 2021-2025 và năm 2021	Năm 2021	Trung tâm Thông tin
59	Đẩy nhanh xây dựng Chính phủ điện tử, từng bước hướng tới triển khai Chính phủ số đối với lĩnh vực an sinh xã hội	Năm 2021	Trung tâm Thông tin
60	Đề án nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động – Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021-2026	Tháng 11/2021	Thanh tra
V	Về hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế		
61	Tiếp tục thực hiện Chiến lược Hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2021	Vụ Hợp tác quốc tế
62	Kế hoạch hành động thực hiện Đề án xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025	Năm 2021	Vụ Hợp tác quốc tế
63	Đánh giá cuối kỳ Chương trình hợp tác quốc gia Việt Nam - ILO về Việc làm thỏa đáng 2017 - 2021 và xây dựng Chương trình giai đoạn 2022 – 2026	Năm 2021	Vụ Hợp tác quốc tế
VI	Công tác kế hoạch, tài chính, đầu tư công		
64	Triển khai hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Phí và lệ phí, Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đấu thầu; đẩy mạnh đấu thầu qua mạng	Năm 2021	Vụ Kế hoạch - Tài chính
65	Tăng cường công tác quản lý tài chính, tài sản nhà nước; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	Năm 2021	Vụ Kế hoạch - Tài chính
66	Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 lĩnh vực lao động, người có công và xã hội	Năm 2021	Vụ Kế hoạch - Tài chính
67	Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình công tác nhiệm kỳ 2021-2026 của Chính phủ	Năm 2021	Văn phòng



Phụ lục III

Nhiệm vụ cụ thể thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ

Quyết định số 01/QĐ-LĐTBXH ngày 04/01/2021

của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
1	Tiếp tục thực hiện đầy đủ, nhất quán và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các Quyết định của Bộ trưởng: Quyết định số 303/QĐ-LĐTBXH ngày 13/3/2019 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 và Quyết định số 02/QĐ-LĐTBXH ngày 02/01/2020 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ	Năm 2021	Các đơn vị
2	Nâng xếp hạng chỉ số Chất lượng đào tạo nghề lên từ 7-12 bậc so với năm 2019	Năm 2021	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3	Nâng xếp hạng chỉ số Tuyển dụng lao động thâm dụng tri thức lên 15-20 bậc	Năm 2021	Cục Việc làm
4	Xây dựng, cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 4 tại các đơn vị liên quan thuộc Bộ có cung cấp dịch vụ công; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại tất cả các đơn vị liên quan thuộc Bộ có cung cấp dịch vụ công, đặc biệt là các dịch vụ công thiết thực đối với người dân	Năm 2021	Văn phòng, Trung tâm Thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan
5	Tuyên truyền, đẩy mạnh việc chi trả các chế độ an sinh xã hội, lương hưu, trợ cấp/chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho các đối tượng qua ngân hàng	Năm 2021	Văn phòng chủ trì, phối hợp với Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục Bảo trợ xã hội, Cục Người có công, Cục Việc làm, Vụ Pháp chế, Trung tâm Thông tin và các đơn vị liên quan
6	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid - 19	Năm 2021	Văn phòng chủ trì, phối hợp với Cục Việc làm, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, Cục An toàn lao động, Cục Quản lý lao động ngoài nước và các đơn vị liên quan